TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28/03/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn T;

Ông Lê Chánh Ngôn;

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Tịnh T, sinh năm 2000. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

Bị đơn: Ông Hoàng T1, sinh năm 1992. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt – có ý kiến xin xét xử vắng mặt theo biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2024)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Tịnh T trình bày:

Bà và ông Hoàng T1 sống chung với nhau từ năm 2016, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 03/01/2018. Quá trình chung sống bà và ông T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân chủ yếu là về kinh tế, ông T1 đi làm nhưng không đưa tiền cho bà để trang trải chi tiêu gia đình mà thường xuyên ăn nhậu rồi gây gổ với bà. Bà đã nhiều lần bỏ đi nhưng

vì con còn nhỏ nên quay lại. Đến khoảng tháng 7 năm 2023 do không thể chịu đựng được nữa nên bà bỏ đi từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống hạnh phúc được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Hoàng T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 con chung tên là Hoàng ngọc H1, sinh ngày 24/11/2016. Hiện đang sống cùng với ông T1; bà đề nghị giao con chung chưa thành niên Hoàng ngọc H1 cho ông T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng theo điều kiện thực tế của bản thân, bà không yêu cầu Tòa án ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Hoàng T1 không có khoản nợ chung nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 3 năm 2024, bị đơn là ông Hoàng T1 trình bày:

Ông và bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2018 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống ông và bà T không có mâu thuẫn gì. Chỉ khoảng tháng 7 năm 2023 khi bà T thường xuyên đi chơi về khuya, ông có góp ý nhưng bà T không nghe và ông phát hiện bà T có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Bà T bỏ đi từ đó đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Hoàng ngọc H1, sinh ngày 24/11/2016, hiện đang sống cùng với ông. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý với ý kiến của bà T, ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Hoàng ngọc H1, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ ai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Lê Tịnh T yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn và ý kiến giao con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Đơn khởi kiện ghi ngày 27/9/2023 của bà Lê Tịnh T được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Tịnh T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Hoàng T1. Người bị kiện là ông Hoàng T1 có địa chỉ cư trú tại, xã Y, huyện H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn: Bà Lê Tịnh T và ông Hoàng T1 tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Lê Tịnh T và ông Hoàng T1 đều trình bày quá trình chung sống, từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, hai đương sự không còn sống chung, mạnh ai nấy sống. Bà Lê Tịnh T yêu cầu ly hôn, ông Hoàng T1 đồng ý ly hôn với bà T. Với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Lê Tịnh T và ông Hoàng T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Tịnh T theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa.

[5] Về con chung: Bà Lê Tịnh T và ông Hoàng T1 xác định có 01 con chung là Hoàng ngọc H1, sinh ngày 24/11/2016. Ông Hoàng T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng ngọc H1 từ khi bà T bỏ đi cho đến nay. Bà T có nguyện vọng giao con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng; ông Hoàng T1 cũng đồng ý với ý kiến của bà T. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung chưa thành niên cho ông Hoàng T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hoàng T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và bà Lê Tịnh T cũng không đề nghị Tòa án ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Lê Tịnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57,

58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Tịnh T được ly hôn với ông Hoàng T1.

2. Về nuôi con:

2.1. Ông Hoàng T1 được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên là Hoàng ngọc H1, sinh ngày 24/11/2016. Trong trường hợp cháu Hoàng ngọc H1 do bà Lê Tịnh T hoặc người khác đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Hoàng ngọc H1 thì ông Hoàng T1 có quyền yêu cầu những người này phải giao con hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con.

2.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Bà Lê Tịnh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019359 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; như vậy, bà Lê Tịnh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật*).

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đỗ Quốc Hội